

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Khuyến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Mộng Thư	Trưởng ban
Ông Trương Tấn Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

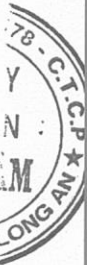
Thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Võ Quốc Thắng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2020





RSM

RSM Vietnam

Chi nhánh Miền Trung
Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số: 57/BCKTHN/2020-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, được lập ngày 25/03/2020, từ trang 05 đến trang 11, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 30/03/2020. Báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm và các công ty con đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

1009
CÔNG
CỔ P
ĐỒNG
LƯC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.677.661.939.941	2.260.907.278.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	111.617.599.463	52.709.916.611
1. Tiền	111	105.911.039.821	43.281.670.420
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.706.559.642	9.428.246.191
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	177.995.509.684	72.092.915.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	265.004.007.342	101.501.245.804
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(88.018.497.658)	(31.320.810.204)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.010.000.000	1.912.480.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.425.094.251.144	1.192.528.416.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	364.297.008.208	471.728.369.786
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	660.822.100.214	373.180.580.691
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	100.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	336.358.771.288	365.968.802.462
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(36.731.569.645)	(18.741.817.126)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	347.941.079	392.480.585
IV. Hàng tồn kho	140	938.423.913.635	877.154.880.070
1. Hàng tồn kho	141	943.020.114.756	890.080.457.906
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(4.596.201.121)	(12.925.577.836)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	24.530.666.015	66.421.149.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.525.113.573	60.798.142.670
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	12.280.583.852	5.544.313.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	724.968.590	78.693.576

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.870.261.896.139	1.880.322.229.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	148.637.982.459	216.796.126.593
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8.028.530.769	110.635.702
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	23.775.747.000	107.805.152.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	116.944.134.892	108.990.974.593
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(110.430.202)	(110.635.702)
II. Tài sản cố định	220	933.077.893.272	774.582.767.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	622.740.337.061	464.054.054.722
Nguyên giá	222	1.498.628.309.208	1.298.377.304.599
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(875.887.972.147)	(834.323.249.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	310.337.556.211	310.528.712.884
Nguyên giá	228	342.515.360.909	343.162.772.012
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(32.177.804.698)	(32.634.059.128)
III. Bất động sản đầu tư	230	13.172.046.481	14.448.014.275
Nguyên giá	231	19.544.673.766	19.502.673.766
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(6.372.627.285)	(5.054.659.491)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	783.829.112.050	99.345.857.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	684.582.277.474	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	99.246.834.576	99.345.857.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	463.838.188.436	657.090.514.378
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	459.762.415.072	657.056.714.378
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13.365.000.000	33.800.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(9.289.226.636)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	527.706.673.441	118.058.948.620
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	138.081.139.871	91.616.244.768
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.507.098.144	7.239.271.855
3. Lợi thế thương mại	269	380.118.435.426	19.203.431.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	5.547.923.836.080	4.141.229.507.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	4.038.185.440.528	2.766.623.116.844
I. Nợ ngắn hạn	310	2.156.511.090.667	2.046.640.083.747
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	364.357.242.388	288.362.505.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22.198.530.949	52.199.905.279
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	80.247.142.136	138.379.423.879
4. Phải trả người lao động	314	41.545.565.977	18.094.792.764
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	133.141.823.037	123.149.694.199
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	8.082.891.025	393.512.428
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	311.275.334.777	467.124.584.543
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.180.670.225.684	943.672.530.703
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14.992.334.694	15.263.134.694
II. Nợ dài hạn	330	1.881.674.349.861	719.983.033.097
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	2.079.507.412
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	91.972.101.985	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	309.648.752.612	257.399.298.602
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	349.359.450.460	-
5. Phải trả dài hạn khác	337	465.316.722.516	59.383.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	665.377.322.288	401.121.227.083



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.509.738.395.552	1.374.606.390.541
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.509.738.395.552	1.374.606.390.541
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	680.704.850.000	680.704.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27.598.330.000	27.598.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(18.591.000.000)	(18.591.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	47.606.412.904	47.600.206.721
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	708.522.932.595	596.287.913.673
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	509.024.549.266	406.312.380.513
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	199.498.383.329	189.975.533.160
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	63.896.870.053	41.006.090.147
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	5.547.923.836.080	4.141.229.507.385



Võ Quốc Thắng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư
 Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.244.252.536.034	2.425.316.637.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	124.689.064.497	115.438.940.808
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.119.563.471.537	2.309.877.697.097
4. Giá vốn hàng bán	11	1.456.763.736.803	1.560.648.666.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	662.799.734.734	749.229.030.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	284.329.351.856	42.379.540.957
7. Chi phí tài chính	22	191.923.624.621	180.514.143.788
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	130.293.261.466	147.537.405.902
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	(11.415.757.570)	(31.439.188.667)
9. Chi phí bán hàng	25	302.869.356.014	255.786.673.389
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	205.898.136.922	146.536.536.742
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	235.022.211.463	177.332.028.532
12. Thu nhập khác	31	2.382.304.597	150.012.514.363
13. Chi phí khác	32	5.216.489.437	62.163.958.266
14. Lợi nhuận khác	40	(2.834.184.840)	87.848.556.097
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	232.188.026.623	265.180.584.629
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33.256.422.282	75.085.802.097
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(2.267.826.289)	(1.162.903.570)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	201.199.430.630	191.257.686.102
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	199.498.383.329	189.975.533.160
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	1.701.047.301	1.282.152.942
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.968	2.827
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.968	2.827



Võ Quốc Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư
Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	232.188.026.623	265.180.584.629
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	85.986.546.387	66.219.211.821
Các khoản dự phòng	03	67.103.458.967	45.593.854.270
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	125.242.825	(331.766.507)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(273.140.338.702)	(10.276.821.816)
Chi phí lãi vay, chi phí lãi phạt do thanh toán trễ hạn	06	130.293.261.466	149.232.216.019
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	242.556.197.566	515.617.278.416
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	243.835.106.848	34.390.135.378
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(152.972.460.519)	(51.941.943.254)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.923.427.079)	21.718.470.086
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	18.791.221.833	13.172.314.934
Tiền lãi vay đã trả	14	(124.020.141.828)	(240.602.580.788)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.790.565.885)	(9.211.990.818)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(270.800.000)	(36.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	148.205.130.936	283.105.383.954
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(225.427.418.291)	(166.565.293.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.943.284.579	1.035.012.576
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(91.010.000.000)	(96.912.480.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng hợp tác đầu tư	24	105.691.885.000	242.049.260.506
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(132.596.393.924)	(56.101.858.240)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.174.217.155	57.174.997.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(313.224.425.481)	(19.320.361.656)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	34.302.224.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.428.734.650.351	2.668.920.607.713
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.173.007.023.439)	(2.868.217.698.459)
4. Tiền chi trả hợp đồng hợp tác đầu tư	35	-	(50.427.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.800.187.400)	(32.627.248.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	223.927.439.512	(248.049.114.816)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	58.908.144.967	15.735.907.482
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.709.916.611	36.973.847.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(462.115)	161.241
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	111.617.599.463	52.709.916.611



Võ Quốc Thắng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư

Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương

Kế toán trưởng